

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá; Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 335/NQ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về việc tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trạm y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 53/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trạm y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BYT hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng xét nghiệm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Thông tư số 32/2023/TT-BYT quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh, Thông tư số 23/2024/TT-BYT ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 42/2025/TT-BYT quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người điều khiển phương tiện giao thông đường sắt;

Xét Tờ trình số 1491/TTr-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai quản lý; Báo cáo thẩm tra số 476/BC-BVHXH ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai quản lý; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

1. Giá dịch vụ khám bệnh, hội chẩn gồm: 5 dịch vụ, quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Giá dịch vụ ngày giường bệnh gồm: 37 dịch vụ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm ban hành kèm theo Nghị quyết này, cụ thể:

a) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 1 và Bệnh viện Đa khoa số 2 gồm: 9.165 dịch vụ quy định tại Phụ lục III.1;

b) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại các Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh gồm: 6.285 dịch vụ quy định tại Phụ lục III.2;

c) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 3 và Bệnh viện Đa khoa số 4, các Trung tâm Y tế khu vực gồm: 7.196 dịch vụ quy định tại Phụ lục III.3;

d) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Phòng khám đa khoa khu vực gồm: 2.262 dịch vụ quy định tại Phụ lục III.4;

đ) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Trạm Y tế xã, phường gồm: 858 dịch vụ quy định tại Phụ lục III.5;

e) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh gồm: 390 dịch vụ quy định tại Phụ lục III.6.

4. Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ ban hành kèm theo Nghị quyết này, cụ thể:

a) Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 1 và Bệnh viện Đa khoa số 2 gồm: 759 dịch vụ quy định tại Phụ lục IV.1;

b) Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại các Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh gồm: 490 dịch vụ quy định tại Phụ lục IV.2;

c) Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 3 và Bệnh viện Đa khoa số 4, các Trung tâm Y tế khu vực gồm: 742 dịch vụ quy định tại Phụ lục IV.3;

d) Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại Phòng khám đa khoa khu vực gồm: 41 dịch vụ quy định tại Phụ lục IV.4;

đ) Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại các Trạm y tế xã, phường gồm: 02 dịch vụ quy định tại Phụ lục IV.5;

5. Giá dịch vụ kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh sử dụng hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS) ban hành kèm theo Nghị quyết này chưa bao gồm chi phí hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS) và không bao gồm chi phí in phim, bao phim; cụ thể:

a) Giá dịch vụ kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 1 và Bệnh viện Đa khoa số 2 gồm: 451 dịch vụ quy định tại Phụ lục V.1;

b) Giá dịch vụ kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh áp dụng tại các Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh gồm: 301 dịch vụ quy định tại Phụ lục V.2;

c) Giá dịch vụ kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 3 và Bệnh viện Đa khoa số 4, các Trung tâm Y tế khu vực gồm: 217 dịch vụ quy định tại Phụ lục V.3;

d) Giá dịch vụ kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh áp dụng tại Phòng khám đa khoa khu vực gồm: 100 dịch vụ quy định tại Phụ lục V.4.

6. Mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Nghị quyết này bao gồm 3 yếu tố hình thành giá:

a) Chi phí trực tiếp.

b) Chi phí nhân công bao gồm tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định, trong đó chi phí tiền lương theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; chưa bao gồm quỹ tiền thưởng quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và phụ cấp trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật quy định tại Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30/5/2026 của Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản.

c) Chi phí quản lý; riêng Giá dịch vụ khám, chữa bệnh áp dụng tại các trạm y tế xã, phường chưa kết cấu chi phí quản lý.

7. Việc hướng dẫn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với người bệnh đang điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực, nếu ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục được áp dụng mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của cấp có thẩm quyền trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, cho đến khi ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh mục dịch vụ, mức giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH. 

CHỦ TỊCH



Hoàng Giang